

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-PT

Ngày 09/12/2020

*“V/v Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà.

*Các thẩm phán:* - Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Ông Ong Thân Thắng.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2020/TLPT-HNGĐ ngày 15/10/2020, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Do bản án sơ thẩm số 44/2020/HNGĐ-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐ-PT ngày 10/11/2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn S, sinh năm 1975. (có mặt)

**\* Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1982. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu gia đình lữ đoàn 675, tổ dân phố Hưng Thịnh, thị trấn Th, huyện H, tỉnh B.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Lữ Đoàn 675 – Bộ quốc Phòng – do ông Nguyễn Duy L– Phó chính ủy Lữ đoàn – đại diện theo ủy quyền – theo văn bản ủy quyền ngày 04/8/2020. (Không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo và không có kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập).

Địa chỉ: tổ dân phố Hưng Thịnh, thị trấn Th, huyện H, tỉnh B.

*\* Người kháng cáo: Anh Phạm Văn S- là nguyên đơn.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:*

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Phạm Văn S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh là quân nhân chuyên nghiệp thuộc đơn vị Đại đội chỉ huy – Lữ đoàn 675 – Binh chủng pháo binh đóng quân tại thôn Hưng Thịnh, thị trấn Th, huyện H, tỉnh B từ tháng 2 năm 1998. Qua bạn bè anh quen biết chị H. Sau một thời gian tìm hiểu anh và chị H nảy sinh tình cảm và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh H, huyện Thanh L, tỉnh Hà N vào ngày 01/12/2004, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh và chị H về chung sống với nhau ngay tại khu gia đình lữ đoàn 675 của đơn vị anh cho hai vợ chồng mượn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2019 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H có quan hệ bất chính với người khác. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng chị H đã có đơn gửi đến đơn vị nơi anh đóng quân, sau đó đơn vị đã tổ chức hòa giải giữa hai bên. Kết quả hòa giải thì anh và chị H về ở với nhau. Tuy nhiên, khi về ở với nhau thì giữa anh và chị H ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Anh và chị H vẫn ở chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau, anh và chị H không ăn cơm chung. Anh cũng không quan tâm nói chuyện gì với chị H, chị H cũng không quan tâm nói chuyện gì với anh. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 2 con chung. Con lớn là Phạm Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 13/9/2007. Con thứ hai là Phạm Thanh H, sinh ngày 09/6/2013. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu Phạm Thanh H, chị H nuôi cháu Phạm Huỳnh Ngọc Q. Vấn đề cấp dưỡng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Khi nộp đơn ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình Tòa án giải quyết chị H là bị đơn yêu cầu chia tài sản chung. Anh đề nghị Tòa án chia đôi các tài sản mà chị H là bị đơn đã yêu cầu Tòa án giải quyết, anh đề nghị được nhận bằng hiện vật và trích chia cho chị H bằng tiền.

- Về công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Qua bạn bè chị quen biết anh Phạm Văn S là bộ đội thuộc lữ đoàn 765 đóng quân ở tổ dân phố Hưng Thịnh, thị trấn Th, huyện H. Sau

một thời gian tìm hiểu thì giữa chị và anh S nảy sinh tình cảm và thống nhất đi đến hôn nhân. Chị và anh S đăng ký tại UBND xã Thanh H, huyện Thanh L, tỉnh Hà N vào ngày 01/12/2004 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị và anh S về chung sống với nhau ngay khu gia đình lữ đoàn 675 của đơn vị cho hai vợ chồng mượn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người khác. Do không tin tưởng nhau nên giữa chị và anh S thường xuyên cãi nhau. Việc mâu thuẫn vợ chồng chị đã được đơn vị anh S đứng ra hòa giải nhiều lần nhưng anh S vẫn nghi ngờ chị do vậy giữa hai bên không có tiếng nói chung, không thông cảm chia sẻ được với nhau để xây dựng cuộc sống vợ chồng, chăm lo cho con cái. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh S xin ly hôn chị đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 2 con chung. Con lớn là Phạm Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 13/9/2007. Con thứ hai là Phạm Thanh H, sinh ngày 09/6/2013. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Thanh H, anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Huỳnh Ngọc Q vì cháu Q đã lớn có thể tự đi học được, anh S là bộ đội thời gian dành cho con không nhiều được bằng chị và cháu H còn bé cần được sự quan tâm chăm sóc từ người mẹ nhiều hơn. Vấn đề cấp dưỡng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Khi ly hôn chị yêu cầu chia các tài sản gồm: 01 căn nhà vợ chồng chị xây dựng trên đất của đơn vị cho hai vợ chồng mượn. Chị đề nghị được nhận bằng tiền còn anh S sử dụng nhà vì khi ly hôn chị không phải người của đơn vị nên sẽ không được ở trên đất đó nữa.

- Về công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lữ đoàn 675 trình bày:* Thừa đất anh S, chị H hiện đang ở là đất quốc phòng cho vợ chồng anh S, chị H mượn. Hiện nay, đơn vị chưa lấy lại mảnh đất này. Khi nào có bản án của Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh S, chị H có hiệu lực pháp luật thì chị H không được ở trên thửa đất này nữa, mảnh đất này đơn vị sẽ bố trí, sắp xếp theo kế hoạch sau.

Với nội dung trên Bản án sơ thẩm số 44/2020/HNGĐ-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 164; Điều 165; Điều 166; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 62; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn S và chị Nguyễn Thị Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 13/9/2007 cho anh Phạm Văn S trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 09/6/2013 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S, chị H có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở Anh S, chị H thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Giao cho anh Phạm Văn S được quyền sở hữu các tài sản là nhà ở, nhà vệ sinh, nhà bếp cùng công trên diện tích đất của Lữ đoàn 675 hiện nay đang cho anh S mượn.

- Anh Phạm Văn S phải trích trả chị Nguyễn Thị Thanh H số tiền là 27.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 15/9/2020 anh Phạm Văn S là nguyên đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H tuyên chưa đúng với thỏa thuận của hai bên trước khi ly hôn về nuôi con nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B xem xét thay đổi lại người nuôi con. Lý do kháng cáo: Chị H hiện tại chưa chứng minh được chị H có nhà đất, nhà trường không cho con của giáo viên ăn ở tại trường phải gửi ở chỗ khác.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Nguyên đơn là anh Phạm Văn Sinh không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn là anh Phạm Văn S trình bày: Anh không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm giao cháu Phạm Thanh H cho chị H nuôi dưỡng, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả cháu H và cháu Q. Trường hợp không được anh đề nghị nuôi dưỡng cháu H và giao cháu Q cho chị H nuôi dưỡng vì hiện tại chị H chưa có chỗ ở ổn định, cháu H còn quá nhỏ. Công việc của chị H không đủ thời gian để đưa đón cháu, mức lương của chị H thấp không đủ điều kiện để nuôi con.

- Chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày: Chị xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án. Nguyên vọng tha thiết mong Tòa án giải quyết cho chị nuôi cháu Phạm Thanh H vì cháu còn nhỏ, cần được chăm sóc, dạy dỗ từ người mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật; Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không nhận kháng cáo của anh S, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Phạm Văn S được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273; Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, kháng cáo của anh Phạm Văn S là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt, hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Lữ đoàn 675-Bộ Quốc phòng, do ông Nguyễn Duy L- Phó chính ủy Lữ đoàn- đại diện. Xét sau khi xét xử sơ thẩm, Lữ đoàn 675- Bộ quốc phòng không kháng cáo và không liên quan đến việc kháng cáo nên Hội đồng xét xử không triệu tập là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Xét kháng cáo đề nghị thay đổi người nuôi dưỡng con chung của anh Phạm Văn S, Hội đồng xét xử xét thấy: .

Anh S và chị H có hai con chung là Phạm Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 13/9/2007 và Phạm Thanh H, sinh ngày 09/6/2013. Khi ly hôn anh S, chị H không thỏa thuận được về nuôi con chung. Cháu Q, cháu H đều có nguyện vọng được ở với bố. Anh S có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Tuy nhiên, cả anh và chị H đều có công việc ổn định, anh S là quân nhân, nhiều khi phải thực hiện nghĩa vụ chiến đấu đột xuất nên cần giao cho mỗi người nuôi dưỡng, chăm sóc một cháu để bớt gánh nặng cho anh. Xét cháu H còn bé nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn, cháu Q lớn hơn có thể tự đi học khi ở với bố. Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Phạm Thanh H cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Huỳnh Ngọc Q cho anh Phạm Văn S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế của hai bên và tạo điều kiện tốt nhất cho các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung, các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tại cấp phúc thẩm anh S không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh S.

Từ nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn S, giữ bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh S không được chấp nhận nên anh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 luật tố tụng dân sự. Không nhận kháng cáo của anh Phạm Văn S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 164; Điều 165; Điều 166; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 62; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn S và chị Nguyễn Thị Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 13/9/2007 cho anh Phạm Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 09/6/2013 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S, chị H có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở Anh S, chị H thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Giao cho anh Phạm Văn S được quyền sở hữu các tài sản là nhà ở, nhà vệ sinh, nhà bếp cùng công trên diện tích đất của Lũ đoàn 675 hiện nay đang cho anh S mượn.

- Anh Phạm Văn S phải trích trả chị Nguyễn Thị Thanh H số tiền là 27.000.000 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Anh Phạm Văn S, chị Nguyễn Thị Thanh H mỗi người phải chịu 850.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Xác nhận chị H đã nộp đủ, anh S phải hoàn trả chị H số tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 850.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

#### 5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí chia tài sản nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003719 ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà.

Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 1.350.000 (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) đồng tiền án phí chia tài sản nhưng được trừ số tiền 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0003843 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc anh Phạm Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0003882 ngày 15/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Xác nhận anh S đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### Nơi nhận:

- TAND huyện H;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công thông tin điện tử TANDTC;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**Trần Thị Hà**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Thu Hiền**

**Ong Thân Thắng**

**Trần Thị Hà**



